TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N
Bản án số: 14/2019/HNGĐ - ST
Ngày 28/06/2019
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Duy Quyết** và ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Lan** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 06 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1983;

Bị đơn: Anh **Đinh Xuân T1**, sinh năm 1978;

Đều có địa chỉ: Phố T, thị trấn M, huyện V, tỉnh N; (Chị T, anh T1 đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03 tháng 01 năm 2019, và các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà, nguyên đơn là chị Dương Thị T trình bày: Giữa chị Dương Thị T và bị đơn là anh Đinh Xuân T1, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 2007, tại Uỷ ban nhân dân xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại thị trấn M, huyện V, tỉnh Ninh Bình. Chị T và anh T1 chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh T1 chơi bời không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ

chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần, cán bộ Công đoàn trường Tiểu học xã G, nơi anh T1 công tác đã đến nhà để làm công tác hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị T đã nhiều lần viết đơn gửi Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với anh T1. Sau đó chị T đều rút đơn vì nghĩ con cái còn nhỏ; vợ chồng sống ly thân từ tháng 04/2018 cho tới nay. Chị T thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Xuân T1.

Về con chung chị Dương Thị T trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung cháu lớn là Đinh Thùy D, sinh ngày 30/12/2007; cháu nhỏ là Đinh Đức D, sinh ngày 23/9/2010. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, chị không yêu cầu anh Đinh Xuân T1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Dương Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà, bị đơn là anh Đinh Xuân T1 trình bày: Anh thừa nhận việc kết hôn giữa hai người đúng như chị T đã trình bày, về tình trạng hôn nhân anh T1 xác nhận tình cảm vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân do anh nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Thực tế vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, không còn quan tâm đến nhau, đã sống ly thân từ năm 2018 cho tới nay. Anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Vì vậy, anh Đinh Xuân T1 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đinh Xuân T1 thừa nhận về số con chung như chị T đã trình bày. Nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, thì anh cũng đồng ý giao hai con chung là cháu Đinh Thùy D, sinh ngày 30/12/2007; và cháu Đinh Đức D, sinh ngày 23/9/2010 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Anh Đinh Xuân T1 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của ng- ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Xử: Chị Dương Thị T và anh Đinh Xuân T1 được ly hôn;

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị T, anh T1. Giao cho chị Dương Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Đinh Thùy D, sinh ngày 30/12/2007 và Đinh Đức D, sinh ngày 23/9/2010 cho tới khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đinh Xuân T1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Xuân T1; anh Đinh Xuân T1 có địa chỉ thường trú tại thị trấn M, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Đinh Xuân T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình vào ngày 10/01/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh T1 nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, còn chị T nghi ngờ anh T1 chơi lô, đề và có quan hệ bất chính với người đàn bà khác. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Tòa án nhân dân huyện V đã tiến hành hòa giải nhiều lần để hai người quay về đoàn tụ nhưng không thành. Bản thân anh T1 xin đoàn tụ vợ chồng, nhưng không tìm được biện pháp nào hữu hiệu để cải thiện quan hệ vợ chồng, chị T đã từng làm đơn xin ly hôn anh T1, nhưng sau đó lại rút đơn. Điều này phù hợp với lời khai của anh T1 và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 21/03/2019 do chị T giao nộp cho Tòa án, có xác nhận của chi hội phụ nữ, trưởng phố T và UBND

thị trấn M. Điều đó chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Dương Thị T và anh Đinh Xuân T1 có hai con chung cháu lớn là Đinh Thùy D, sinh ngày 30/12/2007; cháu nhỏ là Đinh Đức D, sinh ngày 23/9/2010. Trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm chị T và anh T1 đã thống nhất, thỏa thuận nguyên đơn chị Dương Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung, anh Đinh Xuân T1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T; thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu D, không trái pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị Dương Thị T và anh Đinh Xuân T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị T và anh Đinh Xuân T1 được ly hôn;

2. Về con chung. Giao cho chị Dương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Đinh Thùy D, sinh ngày 30/12/2007 và Đinh Đức D, sinh ngày 23/9/2010. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 28/6/2019 cho tới khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đinh Xuân T1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2013/0001168 ngày 10/01/2019.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

NƠI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- VKSND huyện V;
- UBND xã C, huyện Q, tỉnh N;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐONG XET XƯ SƠ THAM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Thiện Thành